

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày: 18-8-2022
*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tám

2. Ông Nguyễn Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 152/1, đường N, khu phố 8, thị trấn B, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1958

Địa chỉ: 48/41B, đường H, phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

(Văn bản uỷ quyền ngày 22/02/2022) (có mặt)

Bị đơn: Bà Dương Thị Mỹ D, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T cũng như lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bà

Trang là ông Nguyễn Hoàng L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, nên vào ngày 06/12/2020, bà Nguyễn Thị Thùy T cho bà Dương Thị Mỹ D vay số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), khi vay có làm “giấy mượn tiền”, chữ ký, chữ viết mang tên "Dương Thị Mỹ D" trong giấy mượn tiền là của bà Dung, mục đích bà Dung vay tiền theo bà Dung cho hay là để làm vốn kinh doanh, **hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất là 3%/tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền**. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận khi nào bên cho vay cần thì sẽ trả lại. Đến ngày 22/10/2021, bà Dung tiếp tục vay của bà Trang số tiền 420.000.000đ (bốn trăm hai mươi triệu đồng), hai bên có làm thêm giấy mượn tiền, **có thỏa thuận miệng về lãi suất là 3%/tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền**, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng thì bà Dung phải trả lại tiền. Tuy nhiên, sau ngày 22/11/2021, bà Trang yêu cầu bà Dung trả 420.000.000đồng của hợp đồng ngày 22/10/2022 và 80.000.000đồng của hợp đồng ngày 06/12/2020 nhưng bà Dung cứ hẹn hết lần này đến lần khác nhưng không trả nên tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022 bà Trang khởi kiện yêu cầu bà Dung phải trả lại số tiền gốc vay 500.000.000 đồng của hai giấy mượn tiền và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng của khoản vay 80.000.000 đồng kể từ ngày vay 06/12/2020 đến ngày 06/01/2022 là 20.000.000 đồng và khoản vay 420.000.000đồng theo mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày vay 20/10/2021 đến ngày 06/01/2022 là 10.920.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi bà Trang yêu cầu là 530.920.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Lan đại diện cho bà Trang xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 80.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 06/12/2020 đồng thời ông cũng xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về phần lãi chậm trả và xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà Trang như sau: Yêu cầu bà Dung phải hoàn trả cho bà Trang số tiền gốc vay là 420.000.000đồng của hợp đồng ngày 22/10/2021 và số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 23/11/2021 đến ngày 06/01/2022. Số tiền cho vay này là tài sản của cá nhân bà Trang không liên quan gì đến gia đình bà Trang.

Bà Dương Thị Mỹ D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện bà Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu bà Dung hoàn trả cho bà Trang số tiền nợ và tiền lãi phát sinh nhưng bà Dung đều vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản gì trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng L đại diện cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 80.000.000đồng và thay đổi yêu cầu về phần lãi chậm trả, cụ thể chỉ yêu cầu trên khoản vay 420.000.000đồng của hợp đồng ngày 22/10/2021 và số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 23/11/2021 đến

ngày 06/01/2022 nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu của bà Trang về việc yêu cầu bà Dung phải hoàn trả cho bà Trang số tiền gốc vay là 420.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là 01 Giấy mượn tiền lập ngày 22/10/2021 giữa bà Trang với bà Dung để làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Xét thấy, bị đơn bà Dương Thị Mỹ D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản nào phản đối ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Dương Thị Mỹ D phải hoàn trả cho bà số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng. Do tranh chấp giữa các cá nhân, bị đơn là bà Dương Thị Mỹ D có đăng ký hộ khẩu tại ấp 1, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An nên quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Dương Thị Mỹ D đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Dung.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 80.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả theo giấy mượn tiền ngày 06/12/2020. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bà Dương Thị Mỹ D phải hoàn trả số tiền 80.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 06/12/2020.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu bà Dương Thị Mỹ D phải hoàn trả số tiền nợ vay 420.000.000 đồng, thấy rằng: Qua xem xét giấy mượn tiền đề ngày 22/10/2021 do bà Trang cung cấp thì việc vay tiền giữa bà Trang và bà Dung là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật, tại mục “BÊN VAY” có chữ ký, chữ viết và điểm chỉ xác nhận của bà Dung thì có căn cứ thể hiện bị đơn đã nhận khoản tiền vay như nguyên đơn trình bày và hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 30 ngày (tức là đến ngày 22/11/2021). Từ đó có cơ sở cho rằng hợp đồng vay nêu trên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại các

Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện giao dịch vay, bà Dung không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay như thỏa thuận đã gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trang. Bà Dung đã được Tòa án triệu tập, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng tại Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng 3 ngày (ngày 13,14, 15/6/2022), trên Báo công lý số 046 (908), 047(909), 480+49 (910+911) vào các ngày 10, 14 và 17/6/2022 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, bà Dung đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà Trang xem như bà Dung từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với số tiền mà nguyên đơn khởi kiện. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để xác định bà Dung còn nợ bà Trang số tiền là 420.000.000 đồng và yêu cầu khởi kiện của bà Trang là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà Trang trên số tiền gốc vay 420.000.000 đồng từ ngày 23/11/2021 đến ngày 06/01/2022 theo mức lãi suất quy định của pháp luật, thấy rằng: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 22/10/2021 thì giữa hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 30 ngày và không có thỏa thuận về lãi suất. Ông Lan là người đại diện cho bà Trang cũng xác định nội dung này. Do đó, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kì hạn và không thỏa thuận lãi suất. Đại diện nguyên đơn cho rằng từ khi vay đến nay bị đơn chưa thanh toán được cho nguyên đơn khoản tiền gốc và lãi vay nào, bị đơn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi về vấn đề này. Từ đó cho thấy thời hạn vi phạm trả tiền lãi của bị đơn được xác định là từ ngày 23/11/2021 nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở. Mặt khác, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ 1%/tháng sang yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do pháp luật qui định. Thấy rằng, căn cứ vào khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì đối với hợp đồng vay có thời hạn, không thỏa thuận về lãi suất, thì lãi suất được áp dụng là 50% mức lãi suất giới hạn (20%/năm) của khoản tiền vay mà bộ luật dân sự cho phép nên mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 10%/năm, tức 0.83%/tháng. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 23/11/2021 đến ngày 06/01/2022 đối với khoản nợ vay 420.000.000 đồng sẽ là **8.598.800** đồng(=420.000.000 đồng x 0,83%/tháng x **74** ngày). Như vậy, Tổng cộng buộc bà Dương Thị Mỹ D phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền là 428.598.800đồng (trong đó, 420.000.000đồng là tiền nợ gốc và 8.598.800 đồng là tiền lãi).

[5] Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp và chi xong)

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn bà Dương Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thùy T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều

26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T: Buộc bà Dương Thị Mỹ D phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền là 428.598.800 đồng (Bốn trăm hai mươi tám triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm đồng).

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T về việc yêu cầu bà Dương Thị Mỹ D phải hoàn trả số tiền 80.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 06/01/2020.

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện chịu 3.000.000 đồng (đã nộp và chi xong).

5. Về án phí: Buộc bà Dương Thị Mỹ D phải chịu **21.143.952 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 12.618.400 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008485 ngày 27-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.**

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thúy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Dương Thị Sáu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 51/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2019 về vụ án ”tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Loan, sinh năm 1953

Bị đơn: Bà Phạm Thị Châu, sinh năm 1971

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3;

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích Loan.

Buộc bà Phạm Thị Châu phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích Loan số tiền là 1.356.850.000 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Bích Loan phải hoàn trả 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 913080 đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 30, loại đất ODT, tọa lạc tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp ngày 02/10/2012 cho bà Phạm Thị Châu và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 976785 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 11, loại đất ONT, tọa lạc tại xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức cấp ngày 17/8/2012 cho bà Phạm Thị Châu cho bà Phạm Thị Châu.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Nguyễn Thị Bích Loan tự nguyện chịu 2.283.000 đồng (đã nộp và chi xong).

4. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Châu phải chịu 52.705.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Cường – Dương Thị Sáu

Trần Thị Thanh Thúy